

Số: **92** /TB-SVHTT

Hà Nội, ngày **24** tháng 4 năm 2020

**THÔNG BÁO**

**Kết quả tuyển dụng xét tuyển viên chức vào làm việc tại  
Trung tâm Hoạt động VHKH Văn Miếu - Quốc Tử Giám  
thuộc Sở Văn hóa và Thể thao Hà Nội năm 2019**



Căn cứ Nghị định 29/2012/NĐ-CP ngày 12/04/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 6574/QĐ-UBND ngày 13/11/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt chỉ tiêu và ban hành Kế hoạch xét tuyển viên chức làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Văn hóa và Thể thao Hà Nội năm 2019;

Căn cứ Quyết định số **302** /QĐ-SVHTT ngày **24** tháng 4 năm 2020 của Sở Văn hóa và Thể thao Hà Nội về việc phê duyệt kết quả tuyển dụng xét tuyển viên chức làm việc tại Trung tâm Hoạt động VHKH Văn Miếu - Quốc Tử Giám thuộc Sở Văn hóa và Thể thao năm 2019;

Sở Văn hóa và Thể thao Hà Nội thông báo kết quả tuyển dụng xét tuyển viên chức vào làm việc tại Trung tâm Hoạt động VHKH Văn Miếu - Quốc Tử Giám (có danh sách kèm theo).

Đề nghị Trung tâm Hoạt động VHKH Văn Miếu - Quốc Tử Giám triển khai một số nội dung như sau:

1. Thông báo, niêm yết tại đơn vị Danh sách thí sinh trúng tuyển theo Quyết định số **302** /QĐ-SVHTT ngày **24** tháng 4 năm 2020 của Sở Văn hóa và Thể thao Hà Nội.

2. Thông báo các thí sinh trúng tuyển hoàn thiện **02** bộ hồ sơ gửi Sở Văn hóa và Thể thao ban hành quyết định tuyển dụng và bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức cụ thể như sau:

- Sơ yếu lý lịch tự thuật có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 06 tháng, tính từ ngày hết hạn nộp hồ sơ.
- Bản sao giấy khai sinh;
- Bản sao hộ khẩu;



- Bản sao có chứng thực các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của vị trí dự tuyển. Trường hợp có văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng dịch thuật sang tiếng Việt và được kiểm định qua Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đối với thí sinh có nhiều bằng cấp chỉ được lựa chọn 01 văn bằng đúng ngành/chuyên ngành và bằng điểm của văn bằng đó để tham gia dự xét tuyển;

- Giấy chứng nhận sức khỏe còn giá trị sử dụng (theo mẫu của Bộ Y tế ban hành) do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp (bản gốc);

- Bản sao Sổ Bảo hiểm xã hội hoặc xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội của cơ quan Bảo hiểm xã hội (nếu có);

- Các văn bản do cơ quan, đơn vị có thẩm quyền ký để bố trí công việc trước khi tham gia tuyển dụng; các Quyết định nâng lương (nếu có);

- Bản kiểm điểm trong thời gian công tác của cá nhân, có xác nhận của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền;

Người trúng tuyển phải xuất trình bản chính các văn bằng, bằng điểm, chứng chỉ để kiểm tra, đối chiếu trước khi ký hợp đồng làm việc.

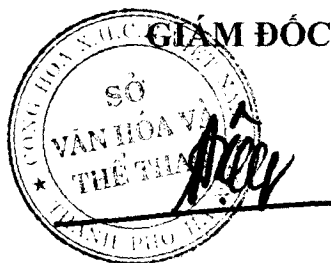
Hồ sơ của các cá nhân đựng trong túi bìa cứng cỡ 24cm x 32cm, bên ngoài ghi rõ họ tên thí sinh, danh mục tài liệu có trong hồ sơ, số điện thoại liên hệ và gửi về Sở Văn hóa và Thể thao (qua Phòng Tổ chức Pháp chế) **trước ngày 27/5/2020.**

Nếu quá thời hạn nêu trên thí sinh trúng tuyển không hoàn thiện hồ sơ theo quy định hoặc có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc những trường hợp bị phát hiện khai man hồ sơ sẽ huỷ kết quả tuyển dụng.

Sở Văn hóa và Thể thao Hà Nội thông báo cho các thí sinh được biết và thực hiện.

**Nơi nhận:**

- Ban Giám đốc Sở;
- ~~THHĐVHKH VM-GT~~ (để t/h)
- Sở Nội vụ Hà Nội;
- Thanh tra TP;
- Ban Giám sát Sở;
- Trang thông tin điện tử Sở VH TT (để đăng tải);
- Lưu VT; TCPC.



**Tô Văn Động**



ĐỀ THI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XA HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

THÔNG BÁO KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG

của các thí sinh tham dự xét tuyển viên chức làm việc tại Trung tâm hoạt động Văn hóa Khoa học Văn Miếu - Quốc Tử Giám thuộc Sở Văn hóa và Thể thao Hà Nội năm 2019 (Kèm theo Thông báo số 92 /TB-SVHTT ngày 24 tháng 4 năm 2020)

| (Kèm theo Thông báo số 92 /TB-SVHTT ngày 24 tháng 4 năm 2020) |                             |                                    |                       |           |                                                                |                                                                                                   |                     |                                            |                    |                                                 |                      |                                             |                       |                     |                   |                   |                        |  |
|---------------------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------------|-----------------------|-----------|----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------|----------------------|---------------------------------------------|-----------------------|---------------------|-------------------|-------------------|------------------------|--|
| STT                                                           | Số báo danh                 | Họ và tên (xếp tên theo cột riêng) | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Vị trí việc làm tuyển dụng                                     | Ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển (ghi theo ngành, chuyên ngành quy định tại chỉ tiêu tuyển dụng) | Chỉ tiêu tuyển dụng | Mã số, chức danh nghề nghiệp               | Văn bằng chứng chỉ |                                                 |                      | Điểm kiểm tra sát hạch chuyên môn nghiệp vụ | Điểm ưu tiên (nếu có) | Tổng điểm xét tuyển |                   | Kết quả           | Chú chú                |  |
| I                                                             | Phòng Hành chính Tổng hợp   |                                    |                       |           |                                                                |                                                                                                   |                     |                                            |                    |                                                 |                      |                                             |                       |                     |                   |                   |                        |  |
| 1                                                             | VM01                        | LÊ VĂN                             | 26/04/1971            | Nam       | Thủ quỹ                                                        | Kinh tế                                                                                           | 1                   | 06.035 Thủ quỹ                             | Cử nhân kinh tế    | A2 IIG Việt Nam Tiếng Anh - Toefl IPT A2 (2019) | Ứng dụng CNTT Cơ bản | 61                                          |                       | 61                  | Sáu mươi một      | Trúng tuyển       |                        |  |
| II                                                            | Phòng Giáo dục Truyền thông |                                    |                       |           |                                                                |                                                                                                   |                     |                                            |                    |                                                 |                      |                                             |                       |                     |                   |                   |                        |  |
| 2                                                             | VM02                        | TRẦN HIỀN                          | 02/03/1996            | Nữ        | Thuyết minh                                                    | Đại học Tiếng Trung, Sư phạm tiếng Anh                                                            |                     | V.10.07.23 Hướng dẫn viên (hạng 3)         | Sư phạm Tiếng Anh  | Tiếng Pháp (A2)                                 | Tin học B (2017)     | 53                                          |                       | 53                  | Năm mươi ba       | Không Trúng tuyển |                        |  |
| 3                                                             | VM03                        | PHẠM THỊ THU                       | 31/03/1988            | Nữ        | Thuyết minh                                                    | Đại học Tiếng Trung, Sư phạm tiếng Anh                                                            |                     | V.10.07.23 Hướng dẫn viên (hạng 3)         | Tiếng Trung        | Anh B (2010)                                    | Ứng dụng CNTT Cơ bản | 82                                          |                       | 82                  | Tám mươi hai      | Trúng tuyển       |                        |  |
| 4                                                             | VM04                        | DUYÊN TÙNG                         | 25/07/1992            | Nam       | Truyền thông, tổ chức các sự kiện, văn hóa, giáo dục về di sản | Đại học chuyên ngành Xã hội học                                                                   |                     | V.10.07.23 Hướng dẫn viên (hạng 3)         | Xã hội học         | Anh C (2019)                                    | Ứng dụng CNTT Cơ bản | 38                                          | 2,5                   | 40,5                | Bốn mươi phẩy năm | Không Trúng tuyển | Hoàn thành nghĩa vụ QS |  |
| 5                                                             | VM05                        | NGUYỄN THỊ THUY                    | 19/12/1991            | Nữ        | Truyền thông, tổ chức các sự kiện, văn hóa, giáo dục về di sản | Đại học chuyên ngành Xã hội học                                                                   |                     | V.10.07.23 Hướng dẫn viên văn hóa (hạng 3) | Xã hội học         | Anh C (2016)                                    | Tin học B (2016)     | 51                                          |                       | 51                  | Năm mươi một      | Không Trúng tuyển |                        |  |
| 6                                                             | VM06                        | TRƯƠNG THUY                        | 22/5/1979             | Nữ        | Truyền thông, tổ chức các sự kiện, văn hóa, giáo dục về di sản | Đại học chuyên ngành Xã hội học                                                                   |                     | V.10.07.23 Hướng dẫn viên văn hóa (hạng 3) | Xã hội học         | Cử nhân ngoại ngữ (Anh)                         | Ứng dụng CNTT Cơ bản | 74                                          |                       | 74                  | Bảy mươi tư       | Trúng tuyển       |                        |  |
| 7                                                             | VM07                        | NGUYỄN THỊ THUY                    | 09/02/1987            | Nữ        | Trung bày                                                      | Đại học chuyên ngành: Bảo tàng                                                                    |                     | V.10.05.17 Di sản văn(hạng 3)              | Bảo tàng           | Anh A2                                          | Ứng dụng CNTT Cơ bản | 60                                          |                       | 60                  | Sáu mươi          | Trúng tuyển       |                        |  |

Đinh Hoa

| STT | Số báo danh                           | Họ và tên (viết tên theo cột riêng) |          | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Vị trí việc làm tuyển dụng | Ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển (ghi theo ngành, chuyên ngành quy định tại chỉ tiêu tuyển dụng) | Chỉ tiêu tuyển dụng | Mã số, chức danh nghề nghiệp      | Văn bằng chứng chỉ                                                                                               |                                                 |                      | Điểm kiểm tra sát hạch chuyên môn nghiệp vụ | Điểm ưu tiên (nếu có) | Tổng điểm xét tuyển |                       | Kết quả           | Ghi chú                |
|-----|---------------------------------------|-------------------------------------|----------|-----------------------|-----------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|----------------------|---------------------------------------------|-----------------------|---------------------|-----------------------|-------------------|------------------------|
|     |                                       |                                     |          |                       |           |                            |                                                                                                   |                     |                                   | Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo (ghi theo ngành, chuyên ngành thí sinh được đào tạo ghi tại bằng hoặc bằng điểm) | Ngoại ngữ                                       | Tin học              |                                             |                       |                     |                       |                   |                        |
| 8   | VM08                                  | NGUYỄN THI                          | HÀ       | 10/6/1994             | Nữ        | Trung bày                  | Đại học chuyên ngành: Bảo tàng                                                                    |                     | V.10.05.17<br>Dị sản viên(hạng 3) | Bảo tàng                                                                                                         | Tiếng anh A2                                    | Ứng dụng CNTT Cơ bản | 20                                          |                       | 20                  | Hai mươi              | Không Trung tuyển |                        |
| 9   | VM09                                  | CAO XUÂN                            | TÂN      | 04/01/1992            | Nam       | Trung bày                  | Đại học chuyên ngành: Bảo tàng                                                                    |                     | V.10.05.17<br>Dị sản viên(hạng 3) | Bảo tàng học                                                                                                     | Tiếng anh A2                                    | Ứng dụng CNTT Cơ bản | 22                                          | 2,5                   | 24,5                | Hai mươi bốn phẩy năm | Không Trung tuyển | Hoàn thành nghĩa vụ QS |
| III | Phòng Duyệt tu - Môi trường Trung tâm |                                     |          |                       |           |                            |                                                                                                   |                     |                                   |                                                                                                                  |                                                 |                      |                                             |                       |                     |                       |                   |                        |
| 10  | VM10                                  | BÙI TUẤN                            | ANH      | 20/9/1996             | Nam       | Duyệt tu, bảo trì di tích  | Đại học chuyên ngành: Công trình thủy lợi, môi trường                                             | 2                   | 01.003<br>Chuyên viên             | Kỹ thuật môi trường                                                                                              | Tiếng anh A2                                    | Ứng dụng CNTT Cơ bản | 24                                          |                       | 24                  | Hai mươi tư           | Không Trung tuyển |                        |
| 11  | VM11                                  | NGUYỄN VĂN                          | ĐỨC      | 26/9/1977             | Nam       | Duyệt tu, bảo trì di tích  | Đại học chuyên ngành: Công trình thủy lợi, môi trường                                             |                     | 01.003<br>Chuyên viên             | Công trình thủy lợi                                                                                              | A2 IIG Việt Nam Tiếng Anh - Toefl IPT A2 (2019) | Ứng dụng CNTT Cơ bản | 72                                          |                       | 72                  | Bảy mươi hai          | Trung tuyển       |                        |
| 12  | VM12                                  | NGUYỄN THU                          | HÀNG     | 20/11/1986            | Nữ        | Duyệt tu, bảo trì di tích  | Đại học chuyên ngành: Công trình thủy lợi, môi trường                                             |                     | 01.003<br>Chuyên viên             | Môi trường                                                                                                       | Nam Tiếng Anh - Toefl IPT A2 (2019)             | Ứng dụng CNTT Cơ bản | 68                                          |                       | 68                  | Sáu mươi tám          | Trung tuyển       |                        |
| 13  | VM13                                  | NGUYỄN TRUNG                        | KIÊN     | 16/12/1994            | Nam       | Duyệt tu, bảo trì di tích  | Đại học chuyên ngành: Công trình thủy lợi, môi trường                                             |                     | 01.003<br>Chuyên viên             | Khoa học Môi trường                                                                                              | Tiếng anh B (2019)                              | Ứng dụng CNTT Cơ bản |                                             |                       |                     | Bỏ thí                |                   |                        |
| 14  | VM14                                  | NGUYỄN THI                          | PHUQUANG | 04/12/1990            | Nữ        | Duyệt tu, bảo trì di tích  | Đại học chuyên ngành: Công trình thủy lợi, môi trường                                             | 6                   | 01.003<br>Chuyên viên             | Khoa học Môi trường                                                                                              | Tiếng anh B (2012)                              | Ứng dụng CNTT Cơ bản |                                             |                       |                     |                       |                   |                        |
| 14  |                                       |                                     |          |                       |           |                            |                                                                                                   |                     |                                   |                                                                                                                  |                                                 |                      |                                             |                       |                     |                       |                   |                        |

Danh sách có 12 thí sinh  
 Trung tuyển 06 thí sinh  
 Không trúng tuyển 06 thí sinh

*Chị Hoa*